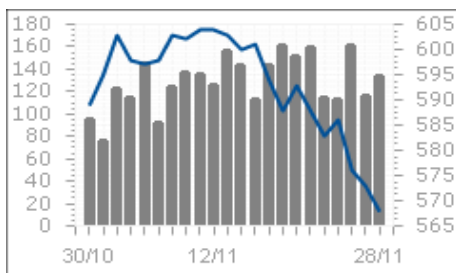


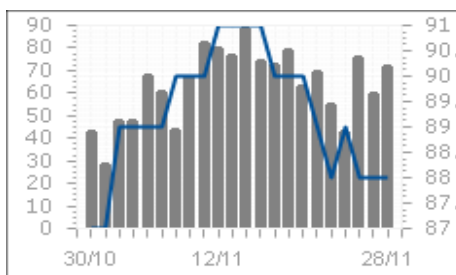
HOSE 28/11/2014

VNINDEX	566.58	-6.31	-1.10%
KLGD	145,679,937	CP	
GTGD	2,377.19	Tỷ	
GTR NDTNN	-	177.47	Tỷ
CP Tăng giá	132	CP	
CP Giảm giá	84	CP	
CP Đứng giá	88	CP	



HNX 28/11/2014

HNXINDEX	87.42	-0.57	-0.65%
KLGD	77,896,940	CP	
GTGD	1,089.74	Tỷ	
GTR NDTNN	-	33.29	Tỷ
CP Tăng giá	128	CP	
CP Giảm giá	70	CP	
CP Đứng giá	181	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	611.15	-4.42	-0.72%
HNX30	175.20	-1.79	-1.01%

Tâm điểm

- ▶ **Cổ phiếu ngành dầu khí tiếp tục đẩy lùi chỉ số 2 sàn**
- ▶ **Khối lượng giao dịch gia tăng tập trung nhiều vào CP nhóm BĐS**
 NĐT Nước ngoài tiếp tục bán ròng mạnh trên HOSE
- ▶ **Lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ 15 năm tăng 0,2%**
 Phiên đấu thầu do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức DVO/HNX
- ▶ **Thêm ngân hàng lớn giảm trần lãi suất huy động kỳ hạn dài**
 VietinBank điều chỉnh giảm trần lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 đến 36 tháng Vietnam+
- ▶ **WTO đạt được thỏa thuận thương mại đầu tiên trong lịch sử**
 Các thành viên của WTO cũng đã thông qua kế hoạch cải cách thương mại DVO
- ▶ **HVG dự chi 440 tỷ đồng phục vụ nuôi trồng, mua nguyên liệu**
 HVG thông qua chi tiết kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu DVO
- ▶ **Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam sẽ rút hàng trăm tỷ vào bất động sản**

Vietstock

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	1,031,394	14.0	2.9	18.5%	9.8%
HNX	146,051	14.1	1.8	8.8%	4.3%
Toàn bộ thị trường	1,177,445	14.4	2.8	18.4%	9.4%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,229	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	20,441	8.8	1.5	17.0%	10.6%
Khai khoáng	38,258	13.1	2.0	22.2%	10.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,530	89.9	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	25,051	13.7	1.5	13.8%	7.6%
Máy công nghiệp	33,215	32.4	1.3	-0.7%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,490	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,965	8.7	1.5	18.5%	13.5%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,650	11.1	2.9	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,392	10.9	2.0	21.6%	7.3%
Dược phẩm	188,282	24.0	4.5	18.7%	14.5%
Phần mềm	15,801	12.6	2.8	22.3%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	17,058	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	28,486	9.8	1.4	15.5%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	179,102	14.7	4.8	32.4%	22.0%
Môi giới chứng khoán	24,973	19.9	2.1	10.4%	2.2%
Ngân hàng	28,528	12.2	1.6	11.1%	7.6%
Bất động sản	234,330	11.1	1.2	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	167,615	16.4	2.7	18.3%	4.7%
	43,183	9.8	2.1	21.9%	9.2%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu
 Hai Ba Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ 15 năm tăng 0,2%

Thêm ngân hàng lớn giảm trần lãi suất huy động kỳ hạn dài

WTO đạt được thỏa thuận thương mại đầu tiên trong lịch sử

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

HVG dự chi 440 tỷ đồng phục vụ nuôi trồng, mua nguyên liệu

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam sẽ rút hàng trăm tỷ vào bất động sản

DLG: Nhận sáp nhập công ty nước ngoài, lần sân sang điện tử - viễn thông

► Tin kinh tế

Trong phiên đấu thầu ngày 27/11/2014, Kho bạc Nhà nước đã huy động 430 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ. Phiên đấu thầu do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức có tổng khối lượng gọi thầu 3.000 tỷ đồng với 3 loại kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm, mỗi kỳ hạn 1.000 tỷ đồng. Trái phiếu kỳ hạn 15 năm có 4 thành viên tham gia dự thầu, khối lượng dự thầu hợp lệ đạt 560 tỷ đồng và vùng lãi suất đặt thầu nằm trong khoảng 7,35-8,20%/năm. Kho bạc Nhà nước huy động được 410 tỷ đồng trái phiếu 15 năm với lãi suất trúng thầu 7,70%/năm, cao hơn 0,20%/năm so với lãi suất trúng thầu phiên trước đó (ngày 20/11/2014).

Tiếp theo sau Vietcombank, bắt đầu từ ngày 27/11, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank) điều chỉnh giảm trần lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 đến 36 tháng đối với khách hàng cá nhân. Theo đó, các mức lãi suất huy động VND đối với khách hàng cá nhân có kỳ hạn dưới 36 tháng của VietinBank cao nhất chỉ còn là 6,0%/năm, giảm 0,2%/năm và hiện là ngân hàng có mức lãi suất thấp nhất ở kỳ hạn này. Các mức lãi suất khác vẫn được giữ nguyên. Hiện VietinBank đang triển khai nhiều gói tín dụng ngắn hạn ưu đãi lãi suất với doanh nghiệp. Từ đầu năm 2014 đến nay, VietinBank đã triển khai 12 gói cho vay trị giá gần 230.000 tỷ đồng với số dư bình quân thời điểm lên đến trên 80.000 tỷ đồng.

Ngày 27/11, Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã đạt được thỏa thuận nhằm tiến tới thực hiện công cuộc cải cách lĩnh vực thương mại toàn cầu. Như vậy sau 19 năm rơi vào bế tắc, các thành viên của WTO cũng đã thông qua kế hoạch cải cách thương mại đầu tiên trong lịch sử, nhằm hiện đại hóa cơ sở hạ tầng và các quy định về thương mại toàn cầu. Theo thỏa thuận này, WTO sẽ ban hành các tiêu chuẩn mới về thủ tục kiểm tra hải quan và biên giới. Với thay đổi này, các nước thành viên WTO sẽ tiết kiệm được hơn 1 nghìn tỷ USD và tạo thêm 21 triệu việc làm mỗi năm, theo ước tính của những người ủng hộ kế hoạch cải cách.

► Tin doanh nghiệp

ĐHQT Công ty cổ phần Hùng Vương (HOSE: HVG) thông qua chi tiết kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo kế hoạch, với 440 tỷ đồng thu được từ đợt chào bán, HVG sẽ chi 300 tỷ đồng vào phục vụ cho hoạt động nuôi trồng, còn 140 tỷ đồng dùng để mua nguyên vật liệu. Thời gian sử dụng trong năm 2015. Kế hoạch này được thực hiện theo nghị quyết ĐHCĐ bất thường ngày 6/11/2014, trong đó HVG dự kiến phát hành 43.999.936 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:1, giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngoài việc phát hành cho cổ đông hiện hữu, Thủy sản HVG cũng lên kế hoạch phát hành 13.199.981 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10:1. Nguồn phát hành từ thặng dư vốn cổ phần, có giá trị 132 tỷ đồng.

Được thành lập cách đây 36 năm (1978), ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam (Seaprodex) là sản xuất, nuôi trồng chế biến thủy sản, cơ khí đóng tàu thủy sản... Tuy nhiên, Seaprodex lại đang có kế hoạch rút 728 tỷ đồng để đầu tư 6 dự án bất động sản từ năm 2015. Theo báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng 2014, tại thời điểm cuối kỳ, Seaprodex có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chỉ gần 96 tỷ đồng, tiền và các khoản tương đương 374 tỷ đồng. Đặc biệt, Seaprodex không vay nợ ngân hàng nhưng khoản đầu tư vào các công ty, liên doanh liên kết và dài hạn khá cao với 583 tỷ đồng. Danh sách sở hữu của Seaprodex khá "dài" với 6 công ty con (tỷ lệ nắm giữ từ 51% đến 100%), 11 công ty liên doanh liên kết (sở hữu từ 20% đến 46%) và đầu tư dài hạn vào 14 công ty (từ 2% đến 18%).

ĐHĐCĐ bất thường chiều 27/11 của CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (HOSE: DLG) đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu Mass Noble. DLG muốn thông qua việc hoán đổi cổ phiếu để sở hữu 100% Công ty Mass Noble Investments Limited nhằm triển khai chiến lược trở thành tập đoàn đa ngành. Trong khi đó, Mass Noble cũng muốn thâm nhập và phát triển thị phần ở Việt Nam. Được biết, Mass Noble có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao ở thị trường nước ngoài.

HOSE 28/11/2014 VNINDEX 566.58 -6.31 -1.10% 145,679,937 CP 2,377.19 bil VND

Cổ phiếu ngành dầu khí tiếp tục đẩy lùi chỉ số 2 sàn

VN-Index giảm 6.31 điểm (-1.10%), đóng cửa tại mức 566.58 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, VN-Index tiếp tục mất điểm khá mạnh và lùi về vùng hỗ trợ mạnh 560 điểm.

- MACD tiếp tục sụt giảm rất mạnh. Đây là tín hiệu hết sức bi quan.

- Stochastic Oscillator vẫn đang duy trì ở vùng quá bán

- RSI (14) lùi sâu về mốc quá bán. Đây là lần giảm sâu nhất của đường này kể từ sau sự kiện Biển đông hồi tháng 5/2014.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.3 (-2.5%)	19,469,540
ITA	0.2 (2.3%)	10,569,450
HQC	0.2 (2.5%)	9,842,860
VHG	-0.1 (-0.7%)	6,701,280
OGC	0.3 (3.7%)	6,701,080

HOSE Top 5 theo % tăng

NVN	0.2 (6.9%)	10
UDC	0.4 (6.9%)	427,100
LHG	0.8 (6.8%)	70,750
SBC	2 (6.7%)	129,050
VCF	13 (6.7%)	13,750

HOSE Top 5 theo % giảm

SII	-1.7 (-6.9%)	2,010
HLG	-0.3 (-6.8%)	420
SRC	-2.7 (-6.6%)	114,160
PPI	-1 (-6.5%)	2,247,150
HVX	-0.4 (-6.3%)	10

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HVG	6,6 tỷ	207,500
VHC	6,2 tỷ	165,570
MSN	3,1 tỷ	38,620
VCB	2,9 tỷ	105,230
HSG	2,4 tỷ	49,000

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PVD	-59,0 tỷ	776,590
HPG	-39,0 tỷ	687,560
GAS	-33,9 tỷ	388,820
HAG	-21,7 tỷ	893,910
KDC	-17,0 tỷ	317,990

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-4,274,280	- 177.47

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự tích cực dần lên tiếp tục được thể hiện ở các mã đầu cơ và các mã vốn hóa nhỏ. Tuy nhiên, nhóm CP Bluechips mất điểm mạnh khiến VN-Index tiếp tục lùi sâu.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 138 triệu cổ phiếu, dòng tiền có dấu hiệu tập trung vào nhóm bất động sản, các mã vốn hóa nhỏ giảm sâu trong giai đoạn vừa rồi.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 177 tỷ. Lực bán ròng tập trung nhiều vào nhóm cổ phiếu PVD, GAS chính là yếu tố khiến VN-Index tiếp tục giảm điểm.
- ▶ VN-Index vẫn đang nằm trong xu hướng giảm điểm, việc lực cầu vẫn duy trì tốt phần nào cho thấy nhịp hồi có thể xuất hiện ở những phiên sắp tới.
- ▶ NĐT chỉ nên xem xét mua trở lại khi thị trường tăng điểm tốt và thanh khoản gia tăng dần bởi rủi ro VN-Index mất điểm vẫn còn.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	86.0	162,970.00	15.0	4.9	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	99.0	99,011.74	17.1	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	27.7	73,821.06	15.8	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.3	70,255.01	18.0	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	80.5	59,232.56	- 468.5	4.2	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.0	52,127.66	9.7	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	12.7	35,702.27	8.0	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	53.5	25,782.09	8.3	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	36.6	24,905.25	19.9	2.1	10.4%	2.2%
PVD	303.0	75.5	22,879.29	10.2	2.2	22.6%	10.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

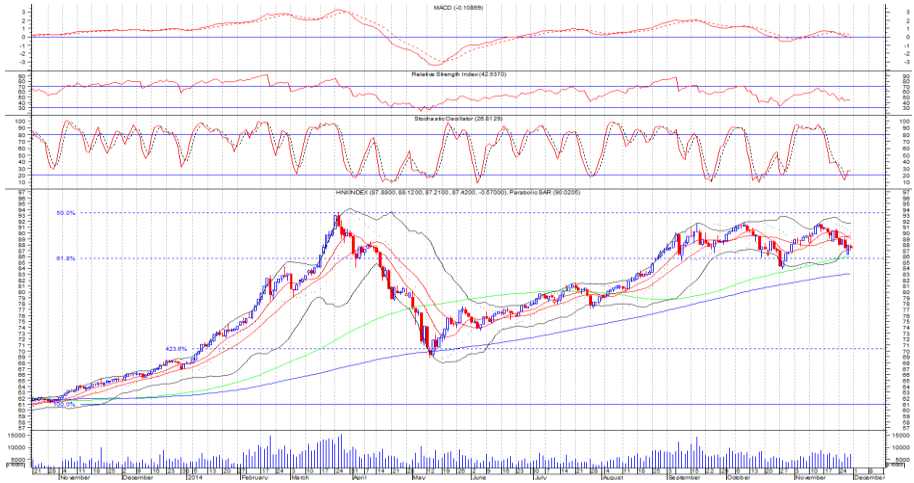
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	11.1	815.84	12.8	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	16.4	875.70	23.9	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	18.9	2,183.46	6.9	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.5	3,024.32	8.4	1.8	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.7	650.03	5.4	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	21.8	601.90	1.9	0.9	NA	TH.DOI

HNX 28/11/2014 HNX-Index 87.42 -0.57 -0.65% 77,896,940 CP 1,089.74 bil. VND

Cổ phiếu ngành dầu khí tiếp tục đẩy lùi chỉ số 2 sàn

Chỉ số HNX-Index giảm 0.57 điểm (+0.65%), đóng cửa tại mốc 87.42 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân ngắn, HNX-Index tiếp tục mất điểm.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sau khi cho tín hiệu mua, vẫn chưa gia tăng mạnh mà tỏ ra khá lưỡng lự.
- MACD cắt đường zero - base, đây là tín hiệu khá xấu.
- RSI (14) lùi lại mốc 42.
- HNX-Index vẫn chưa phá vỡ kênh giá tăng điểm từ tháng 5 đến nay.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	KLGD
SCR	0.4 (3.9%)	11,542,620
KLF	-0.8 (-5.8%)	10,545,790
PVX	-0.1 (-1.6%)	5,609,810
PVS	-2.3 (-6.6%)	4,633,120
VCG	1 (7.5%)	4,566,250

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	Đổi (%)	Giá
ASA	0.9 (10.0%)	542,000
THS	0.6 (10.0%)	1,000
TTZ	0.5 (10.0%)	48,200
IVS	1 (9.7%)	250,900
DBT	1.8 (9.7%)	16,030

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	Đổi (%)	Giá
CX8	-0.5 (-10.0%)	100
HTP	-1 (-10.0%)	900
MIM	-0.5 (-10.0%)	500
VMC	-1.7 (-10.0%)	100
PEN	-1 (-9.7%)	2,200

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá	KL
PVX	1,5 tỷ	242,000
SHS	1,2 tỷ	100,000
KLS	0,3 tỷ	30,000
DBC	0,2 tỷ	7,000
CKV	0,2 tỷ	17,600

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá	KL
PVS	-33,2 tỷ	997,800
VND	-3,4 tỷ	258,000
ASA	-0,7 tỷ	68,000
PGS	-0,3 tỷ	9,500
IVS	-0,1 tỷ	9,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-902,388	- 33.29

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Chỉ số HNX-Index giảm 0.57 điểm (+0.65%), đóng cửa tại mốc 87.42 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân ngắn, HNX-Index tiếp tục mất điểm.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 71 triệu cổ phiếu, dòng tiền có dấu hiệu tập trung vào nhóm bất động sản, các mã vốn hóa nhỏ giảm sâu trong giai đoạn vừa rồi.
- ▶ Khối ngoại bán ròng với giá trị 33 tỷ. Lực bán ròng tập trung nhiều vào nhóm cổ phiếu PVS, VND chính là yếu tố khiến HNX-Index tiếp tục giảm điểm.
- ▶ HNX-Index vẫn đang trong kênh giá tăng duy trì từ tháng 5/2014, tín hiệu lực cầu cho thấy nhiều khả năng HNX-Index có thể sẽ hồi phục ở những phiên sắp tới.
- ▶ NĐT chỉ nên xem xét mua trở lại khi thị trường tăng điểm tốt và thanh khoản gia tăng dần bởi rủi ro HNX-Index mất điểm vẫn còn.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
PVS	446.7	32.8	14,651.77	9.5	1.8	19.6%	6.6%
ACB	909.8	15.2	13,828.66	25.9	1.1	4.4%	0.3%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.7	7,708.93	9.5	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	14.3	6,316.46	8.9	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.1	3,850.20	13.2	0.7	5.1%	1.8%
VNR	131.1	21.5	2,818.13	8.8	1.1	12.8%	5.4%
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.4	2.1	23.4%	14.9%
PVX	400.0	6.3	2,520.00	- 2.8	2.8	-111.9%	-6.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	33.1	1,257.80	8.0	1.4	NA	TH.DOI
AAA	39.6	17.7	700.92	6.3	1.2	NA	TH.DOI
VND	155.0	13.3	2,061.48	11.1	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.4	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	31.0	1,550.00	8.1	1.8	NA	TH.DOI
DXP	7.9	42.0	330.75	7.9	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	15.22%	80.5	- 468.54	4.16	108,941	155,860	194,391
VIC	HOSE	1,454.6	70,255.01	12.53%	48.3	18.01	3.80	1,229,759	1,170,891	1,895,006
PVD	HOSE	303.0	22,879.29	11.71%	75.5	10.18	2.20	620,644	474,319	601,118
HPG	HOSE	481.9	25,782.09	11.57%	53.5	8.31	2.29	470,671	446,447	636,392
HAG	HOSE	789.9	19,036.57	7.45%	24.1	10.16	1.31	2,389,932	3,180,428	3,712,339
KDC	HOSE	255.2	13,523.54	7.00%	53.0	22.41	2.05	1,657,223	1,462,796	973,588
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	5.69%	18.6	8.68	1.20	269,545	293,036	412,388
VCB	HOSE	2,665.0	73,821.06	5.16%	27.7	15.83	1.68	238,666	274,555	385,740
DPM	HOSE	379.9	11,094.08	4.04%	29.2	9.14	1.19	450,969	410,587	724,084
KBC	HOSE	389.8	6,509.00	2.83%	16.7	15.44	1.25	4,219,437	5,156,678	5,070,348
ITA	HOSE	718.9	6,398.26	2.64%	8.9	51.22	0.79	5,838,876	5,787,290	7,043,164
HSG	HOSE	96.3	4,748.24	1.95%	49.3	11.74	2.02	117,046	182,637	321,301
BVH	HOSE	680.5	24,905.25	1.83%	36.6	19.87	2.09	209,435	204,921	257,358
HVG	HOSE	132.0	4,157.99	1.55%	31.5	14.40	1.74	1,341,859	1,540,097	1,933,618
FLC	HOSE	314.9	3,684.26	1.53%	11.7	7.04	1.00	25,358,186	19,863,374	16,681,815
PPC	HOSE	318.2	7,985.68	1.47%	25.1	11.14	1.51	188,326	251,282	505,726
DRC	HOSE	83.1	4,693.67	1.41%	56.5	13.94	3.36	39,344	51,517	138,923
PVT	HOSE	255.9	4,451.92	1.37%	17.4	15.07	1.46	2,341,342	2,167,380	2,314,875
CSM	HOSE	67.3	2,960.85	1.32%	44.0	8.54	2.34	98,959	97,549	203,046
VSH	HOSE	206.2	2,908.00	1.16%	14.1	19.86	1.08	408,501	458,045	546,832
OGC	HOSE	300.0	2,520.00	0.56%	8.4	14.10	0.75	6,320,196	6,168,670	5,527,098

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	8.46%	80.5	- 468.54	4.16	108,941	155,860	194,391
VIC	HOSE	1,454.6	70,255.01	7.72%	48.3	18.01	3.80	1,229,759	1,170,891	1,895,006
VCB	HOSE	2,665.0	73,821.06	7.14%	27.7	15.83	1.68	238,666	274,555	385,740
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	6.63%	18.6	8.68	1.20	269,545	293,036	412,388
PVS	HNX	446.7	14,651.77	5.62%	32.8	9.45	1.80	1,665,163	1,610,746	3,220,770
BVH	HOSE	680.5	24,905.25	4.52%	36.6	19.87	2.09	209,435	204,921	257,358
DPM	HOSE	379.9	11,094.08	4.24%	29.2	9.14	1.19	450,969	410,587	724,084
HAG	HOSE	789.9	19,036.57	4.00%	24.1	10.16	1.31	2,389,932	3,180,428	3,712,339
PVD	HOSE	303.0	22,879.29	3.86%	75.5	10.18	2.20	620,644	474,319	601,118
PPC	HOSE	318.2	7,985.68	3.10%	25.1	11.14	1.51	188,326	251,282	505,726
ITA	HOSE	718.9	6,398.26	3.19%	8.9	51.22	0.79	5,838,876	5,787,290	7,043,164
FLC	HOSE	314.9	3,684.26	2.90%	11.7	7.04	1.00	25,358,186	19,863,374	16,681,815
SHB	HNX	886.1	7,708.93	2.59%	8.7	9.53	0.75	2,527,515	2,430,399	4,420,284
VCG	HNX	441.7	6,316.46	2.08%	14.3	8.89	1.04	1,447,776	1,353,129	1,557,562
PVT	HOSE	255.9	4,451.92	1.76%	17.4	15.07	1.46	2,341,342	2,167,380	2,314,875
OGC	HOSE	300.0	2,520.00	1.50%	8.4	14.10	0.75	6,320,196	6,168,670	5,527,098
DRC	HOSE	83.1	4,693.67	1.02%	56.5	13.94	3.36	39,344	51,517	138,923
IJC	HOSE	274.2	3,729.05	0.64%	13.6	21.52	1.26	368,510	521,416	1,079,679
PVX	HNX	400.0	2,520.00	0.00%	6.3	- 2.80	2.77	6,457,906	5,706,553	8,295,663

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	70,255.01	0.00%	48.3	18.01	3.80	1,229,759	1,170,891	1,895,006
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	0.00%	80.5	-468.54	4.16	108,941	155,860	194,391
DPM	HOSE	379.9	11,094.08	0.00%	29.2	9.14	1.19	450,969	410,587	724,084
HAG	HOSE	789.9	19,036.57	0.00%	24.1	10.16	1.31	2,389,932	3,180,428	3,712,339
VCB	HOSE	2,665.0	73,821.06	0.00%	27.7	15.83	1.68	238,666	274,555	385,740
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	0.00%	18.6	8.68	1.20	269,545	293,036	412,388
BVH	HOSE	680.5	24,905.25	0.00%	36.6	19.87	2.09	209,435	204,921	257,358
CTG	HOSE	3,723.4	52,127.66	0.00%	14.0	9.67	0.96	122,213	198,058	294,577
GAS	HOSE	1,895.0	162,970.00	0.00%	86.0	14.95	4.88	395,852	351,019	398,277

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	59,232.56	4.01%	80.5	-468.54	4.16	108,941	155,860	194,391
VIC	HOSE	1,454.6	70,255.01	2.27%	48.3	18.01	3.80	1,229,759	1,170,891	1,895,006
PVD	HOSE	303.0	22,879.29	4.39%	75.5	10.18	2.20	620,644	474,319	601,118
STB	HOSE	1,142.5	21,250.72	0.89%	18.6	8.68	1.20	269,545	293,036	412,388
VCB	HOSE	2,665.0	73,821.06	1.28%	27.7	15.83	1.68	238,666	274,555	385,740
BVH	HOSE	680.5	24,905.25	1.79%	36.6	19.87	2.09	209,435	204,921	257,358

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

28 November 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,229	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	20,441	8.8	1.5	17.0%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,047	16.1	1.0	5.5%	2.2%
Sản xuất giấy	893	6.5	1.0	14.1%	7.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,258	13.1	2.0	22.2%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,990	3.7	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,530	89.9	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,051	13.7	1.5	13.8%	7.6%
Xây dựng	33,215	32.4	1.3	-0.7%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,213	9.6	1.2	15.7%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	1,165	7.7	1.2	16.8%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,475	8.0	1.0	12.0%	5.6%
Thiết bị điện	2,142	33.3	1.2	2.1%	0.1%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	56	18.4	0.8	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,490	8.7	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,570	3.4	1.1	5.4%	1.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,965	8.7	1.5	18.5%	13.5%
Dịch vụ vận tải	7,024	7.6	1.6	23.0%	13.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,997	12.0	2.0	16.3%	10.9%
Đào tạo & Việc làm	263	13.6	0.8	6.7%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	196	8.9	0.9	12.2%	4.9%
Chất thải & Môi trường	205	3.1	1.0	33.9%	15.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,317	13.8	1.3	14.5%	7.1%
Lốp xe	8,650	11.1	2.9	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,669	7.4	1.3	17.8%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	324	16.3	2.2	14.9%	9.9%
Đồ uống & giải khát	226	6.3	1.1	14.7%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,392	10.9	2.0	21.6%	7.3%
Thực phẩm	188,282	24.0	4.5	18.7%	14.5%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	70	19.7	0.9	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,078	8.5	1.5	19.8%	9.3%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	565	68.1	1.5	2.4%	1.7%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,714	8.7	1.7	19.7%	7.6%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,397	10.8	2.0	18.5%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	713	10.2	1.1	-1.0%	4.1%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,980	9.3	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	165	3.4	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	221	9.4	1.3	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,801	12.6	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	286	-	45.5	0.9	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	757	10.5	1.3	13.8%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,984	10.3	1.8	18.6%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,136	9.3	1.0	10.7%	6.9%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,650	55.4	2.4	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,957	20.1	1.4	10.7%	8.7%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,725	18.4	3.5	23.5%	20.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	782	11.6	1.0	8.9%	3.3%
Internet	377	79.5	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,058	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	458	15.6	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	295	5.6	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	12,250	32.6	6.1	33.1%	11.2%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,486	9.8	1.4	15.5%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	179,102	14.7	4.8	32.4%	22.0%
Nước	1,251	6.7	1.1	17.0%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,457	8.7	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	7,014	11.9	0.8	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,818	8.8	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	24,973	19.9	2.1	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,678	15.4	1.0	5.3%	1.6%
Môi giới chứng khoán	28,528	12.2	1.6	11.1%	7.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	234,330	11.1	1.2	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	167,615	16.4	2.7	18.3%	4.7%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	43,183	9.8	2.1	21.9%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.